

Số: 01/BC/VEGA

Bắc Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO

**Việc bán nhà ở xã hội trước khi thực hiện tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua
tại Dự án nhà ở xã hội xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang**

(Trước khi thực hiện bán nhà ở xã hội)

Kính gửi: Sở Xây dựng Bắc Giang

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết một số Điều Luật Nhà ở;

Căn cứ Hướng dẫn số 3388/SXD-QLN ngày 10/10/2024 của Sở Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung quy định về trình tự, thủ tục mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng không sử dụng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Văn bản số 464/SXD-QLN ngày 27/02/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đối với các toà CT.01, CT.03 thuộc dự án Khu nhà ở xã hội dành cho công nhân xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Công ty Cổ phần Đầu tư Vega báo cáo và đề nghị Sở Xây dựng đăng tải, công bố công khai tại Cổng Thông tin điện tử của Sở Xây dựng về việc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội trước khi thực hiện tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua tại Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Khu nhà ở xã hội dành cho công nhân tại xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang như sau:

1. Tên dự án: Khu nhà ở xã hội dành cho công nhân tại xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.
2. Chủ đầu tư dự án: Công ty Cổ phần Đầu tư Vega.
3. Địa điểm xây dựng dự án: phường Quang Châu, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.
4. Địa chỉ liên lạc, địa chỉ nộp đơn đăng ký: Văn phòng bán hàng Dự án Nhà ở xã hội dành cho công nhân xã Quang Châu tại phường Quang Châu, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; Số điện thoại liên hệ: 088 616 0088.
5. Tiến độ thực hiện dự án:

- Hoàn thành các thủ tục về đất đai, xây dựng; hoàn thành xây dựng công trình đưa vào sử dụng: Đến hết Quý IV/2025;

- Đưa dự án vào vận hành, khai thác từ Quý I/2026 đến hết thời hạn thực hiện dự án.

6. Quy mô dự án: Diện tích dự án: 42.965,9 m², gồm các hạng mục:

- 03 toà nhà chung cư nhà ở xã hội cao 18 tầng, diện tích xây dựng khoảng 5.002,2m², diện tích sàn xây dựng khoảng 76.822,4m²;

- 01 toà nhà nhà chung cư thương mại cao 18 tầng, với diện tích xây dựng khoảng 1.223,9m², diện tích sàn xây dựng khoảng 21.610m²;

- Hạng mục khác: Trường mầm non, Nhà để xe, khu phụ trợ, sân tập thể thao.

7. Số lượng căn hộ dự kiến bán gồm: 432 căn hộ nhà ở xã hội (tòa CT3) để bán.

8. Diện tích căn hộ theo từng căn hộ: theo phụ lục kèm theo.

9. Giá bán căn hộ (tạm tính): Giá bán bình quân đã bao gồm thuế GTGT 5% và chi phí bảo trì 2% dự kiến khoảng 15 triệu đồng/m²

10. Việc thực hiện quy định về điều kiện được kinh doanh nhà ở tại Dự án:

- Trường hợp mở bán nhà ở hình thành trong tương lai phải có văn bản cho phép bán nhà ở hình thành trong tương lai của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

- Trường hợp mở bán nhà ở có sẵn thì phải có văn bản thông báo đủ điều kiện nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

11. Thời gian dự kiến bắt đầu nhận hồ sơ đăng ký: 01/04/2025

12. Thời gian dự kiến bán: Chủ đầu tư chỉ bán theo quy định của pháp luật về nhà ở và giá bán đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định.

Công ty Cổ phần Đầu tư Vega trân trọng báo cáo Sở Xây dựng để biết và đăng tải thông tin dự án theo quy định./.

Nơi nhận: *MUK*

- Như kính gửi;
- UBND thị xã Việt Yên;
- UBND phường Quang Châu;
- Lưu: VT.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ

CỦA NGƯỜI KÝ



GIÁM ĐỐC

Lê Mạnh Thắng

PHỤ LỤC: DANH SÁCH 432 CĂN HỘ CHUNG CƯ TÒA CT3 - NHÀ Ở XÃ HỘI ĐỂ BÁN

(Đính kèm Báo cáo Việc bán nhà ở xã hội trước khi thực hiện tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua

tại Dự án nhà ở xã hội xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang)

Số TT	Tầng cao	Số căn	Mã căn	Mẫu căn	DT thông thủy (m2)	DT tim tường (m2)	Loại căn	Loại sản phẩm	Hướng Căn góc	Hướng Cửa	View	Loại nhà ở
					18,867.2	20,960.0						
1	03	01	03-01	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
2	03	02	03-02	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
3	03	03	03-03	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
4	03	04	03-04	CH-02.B-1	44.0	49.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
5	03	05	03-05	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
6	03	06	03-06	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
7	03	07	03-07	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	B/Đ	N	Nội khu	CHCC NOXH
8	03	08	03-08	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	N/Đ	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
9	03	09	03-09	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
10	03	10	03-10	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
11	03	11	03-11	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
12	03	12	03-12	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
13	03	13	03-13	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
14	03	14	03-14	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
15	03	15	03-15	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
16	03	16	03-16	CH-01.B	48.0	51.1	Thường	1N+1	N	T	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
17	03	17	03-17	CH-04	63.9	69.3	Góc	2N2WC+1	N/T	Đ	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
18	03	18	03-18	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
19	03	19	03-19	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
20	03	20	03-20	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
21	03	21	03-21	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
22	03	22	03-22	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
23	03	23	03-23	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	T/B	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
24	03	24	03-24	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	Đ/B	T	Nội khu	CHCC NOXH
25	03	25	03-25	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
26	03	26	03-26	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
27	03	27	03-27	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
28	03A	01	03A-01	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
29	03A	02	03A-02	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
30	03A	03	03A-03	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
31	03A	04	03A-04	CH-02.B-1	44.0	49.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
32	03A	05	03A-05	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
33	03A	06	03A-06	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
34	03A	07	03A-07	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	B/Đ	N	Nội khu	CHCC NOXH
35	03A	08	03A-08	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	N/Đ	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
36	03A	09	03A-09	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
37	03A	10	03A-10	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
38	03A	11	03A-11	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
39	03A	12	03A-12	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH

091
ÔNG
Ổ P
ĐẦU
VE
BẮC

Số TT	Tầng cao	Số căn	Mã căn	Mẫu căn	DT thông thủy (m2)	DT tính tường (m2)	Loại căn	Loại sản phẩm	Hướng Căn góc	Hướng Cửa	View	Loại nhà ở
					18,867.2	20,960.0						
40	03A	13	03A-13	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
41	03A	14	03A-14	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
42	03A	15	03A-15	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
43	03A	16	03A-16	CH-01.B	48.0	51.1	Thường	1N+1	N	T	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
44	03A	17	03A-17	CH-04	63.9	69.3	Góc	2N2WC+1	N/T	Đ	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
45	03A	18	03A-18	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
46	03A	19	03A-19	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
47	03A	20	03A-20	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
48	03A	21	03A-21	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
49	03A	22	03A-22	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
50	03A	23	03A-23	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	T/B	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
51	03A	24	03A-24	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	Đ/B	T	Nội khu	CHCC NOXH
52	03A	25	03A-25	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
53	03A	26	03A-26	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
54	03A	27	03A-27	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
55	05	01	05-01	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
56	05	02	05-02	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
57	05	03	05-03	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
58	05	04	05-04	CH-02.B-1	44.0	49.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
59	05	05	05-05	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
60	05	06	05-06	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
61	05	07	05-07	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	B/Đ	N	Nội khu	CHCC NOXH
62	05	08	05-08	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	N/Đ	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
63	05	09	05-09	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
64	05	10	05-10	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
65	05	11	05-11	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
66	05	12	05-12	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
67	05	13	05-13	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
68	05	14	05-14	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
69	05	15	05-15	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
70	05	16	05-16	CH-01.B	48.0	51.1	Thường	1N+1	N	T	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
71	05	17	05-17	CH-04	63.9	69.3	Góc	2N2WC+1	N/T	Đ	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
72	05	18	05-18	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
73	05	19	05-19	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
74	05	20	05-20	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
75	05	21	05-21	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
76	05	22	05-22	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
77	05	23	05-23	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	T/B	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
78	05	24	05-24	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	Đ/B	T	Nội khu	CHCC NOXH
79	05	25	05-25	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
80	05	26	05-26	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
81	05	27	05-27	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
82	06	01	06-01	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH

Số TT	Tầng cao	Số căn	Mã căn	Mẫu căn	DT thông thủy (m2)	DT tìm tường (m2)	Loại căn	Loại sản phẩm	Hướng Căn góc	Hướng Cửa	View	Loại nhà ở
					18,867.2	20,960.0						
83	06	02	06-02	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
84	06	03	06-03	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
85	06	04	06-04	CH-02.B-1	44.0	49.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
86	06	05	06-05	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
87	06	06	06-06	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
88	06	07	06-07	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	B/Đ	N	Nội khu	CHCC NOXH
89	06	08	06-08	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	N/Đ	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
90	06	09	06-09	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
91	06	10	06-10	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
92	06	11	06-11	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
93	06	12	06-12	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
94	06	13	06-13	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
95	06	14	06-14	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
96	06	15	06-15	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
97	06	16	06-16	CH-01.B	48.0	51.1	Thường	1N+1	N	T	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
98	06	17	06-17	CH-04	63.9	69.3	Góc	2N2WC+1	N/T	Đ	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
99	06	18	06-18	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
100	06	19	06-19	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
101	06	20	06-20	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
102	06	21	06-21	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
103	06	22	06-22	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
104	06	23	06-23	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	T/B	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
105	06	24	06-24	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	Đ/B	T	Nội khu	CHCC NOXH
106	06	25	06-25	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
107	06	26	06-26	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
108	06	27	06-27	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
109	06A	01	06A-01	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
110	06A	02	06A-02	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
111	06A	03	06A-03	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
112	06A	04	06A-04	CH-02.B-1	44.0	49.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
113	06A	05	06A-05	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
114	06A	06	06A-06	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
115	06A	07	06A-07	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	B/Đ	N	Nội khu	CHCC NOXH
116	06A	08	06A-08	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	N/Đ	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
117	06A	09	06A-09	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
118	06A	10	06A-10	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
119	06A	11	06A-11	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
120	06A	12	06A-12	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
121	06A	13	06A-13	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
122	06A	14	06A-14	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH

Số TT	Tầng cao	Số căn	Mã căn	Mẫu căn	DT thông thủy (m2)	DT tim tường (m2)	Loại căn	Loại sản phẩm	Hướng Căn góc	Hướng Cửa	View	Loại nhà ở
					18,867.2	20,960.0						
123	06A	15	06A-15	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
124	06A	16	06A-16	CH-01.B	48.0	51.1	Thường	1N+1	N	T	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
125	06A	17	06A-17	CH-04	63.9	69.3	Góc	2N2WC+1	N/T	Đ	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
126	06A	18	06A-18	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
127	06A	19	06A-19	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
128	06A	20	06A-20	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
129	06A	21	06A-21	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
130	06A	22	06A-22	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
131	06A	23	06A-23	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	T/B	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
132	06A	24	06A-24	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	Đ/B	T	Nội khu	CHCC NOXH
133	06A	25	06A-25	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
134	06A	26	06A-26	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
135	06A	27	06A-27	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
136	08	01	08-01	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
137	08	02	08-02	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
138	08	03	08-03	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
139	08	04	08-04	CH-02.B-1	44.0	49.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
140	08	05	08-05	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
141	08	06	08-06	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
142	08	07	08-07	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	B/Đ	N	Nội khu	CHCC NOXH
143	08	08	08-08	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	N/Đ	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
144	08	09	08-09	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
145	08	10	08-10	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
146	08	11	08-11	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
147	08	12	08-12	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
148	08	13	08-13	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
149	08	14	08-14	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
150	08	15	08-15	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
151	08	16	08-16	CH-01.B	48.0	51.1	Thường	1N+1	N	T	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
152	08	17	08-17	CH-04	63.9	69.3	Góc	2N2WC+1	N/T	Đ	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
153	08	18	08-18	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
154	08	19	08-19	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
155	08	20	08-20	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
156	08	21	08-21	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
157	08	22	08-22	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
158	08	23	08-23	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	T/B	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
159	08	24	08-24	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	Đ/B	T	Nội khu	CHCC NOXH
160	08	25	08-25	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
161	08	26	08-26	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
162	08	27	08-27	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
163	09	01	09-01	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
164	09	02	09-02	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
165	09	03	09-03	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
166	09	04	09-04	CH-02.B-1	44.0	49.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
167	09	05	09-05	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH

Số TT	Tầng cao	Số căn	Mã căn	Mẫu căn	DT thông thủy (m2)	DT tim tường (m2)	Loại căn	Loại sản phẩm	Hướng Căn góc	Hướng Cửa	View	Loại nhà ở
					18,867.2	20,960.0						
168	09	06	09-06	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
169	09	07	09-07	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	B/Đ	N	Nội khu	CHCC NOXH
170	09	08	09-08	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	N/Đ	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
171	09	09	09-09	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
172	09	10	09-10	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
173	09	11	09-11	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
174	09	12	09-12	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
175	09	13	09-13	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
176	09	14	09-14	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
177	09	15	09-15	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
178	09	16	09-16	CH-01.B	48.0	51.1	Thường	1N+1	N	T	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
179	09	17	09-17	CH-04	63.9	69.3	Góc	2N2WC+1	N/T	Đ	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
180	09	18	09-18	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
181	09	19	09-19	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
182	09	20	09-20	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
183	09	21	09-21	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
184	09	22	09-22	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
185	09	23	09-23	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	T/B	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
186	09	24	09-24	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	Đ/B	T	Nội khu	CHCC NOXH
187	09	25	09-25	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
188	09	26	09-26	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
189	09	27	09-27	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
190	10	01	10-01	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
191	10	02	10-02	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
192	10	03	10-03	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
193	10	04	10-04	CH-02.B-1	44.0	49.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
194	10	05	10-05	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
195	10	06	10-06	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
196	10	07	10-07	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	B/Đ	N	Nội khu	CHCC NOXH
197	10	08	10-08	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	N/Đ	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
198	10	09	10-09	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
199	10	10	10-10	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
200	10	11	10-11	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
201	10	12	10-12	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
202	10	13	10-13	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
203	10	14	10-14	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
204	10	15	10-15	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
205	10	16	10-16	CH-01.B	48.0	51.1	Thường	1N+1	N	T	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH

Số TT	Tầng cao	Số căn	Mã căn	Mẫu căn	DT thông thủy (m2)	DT tim tường (m2)	Loại căn	Loại sản phẩm	Hướng Căn góc	Hướng Cửa	View	Loại nhà ở
					18,867.2	20,960.0						
206	10	17	10-17	CH-04	63.9	69.3	Góc	2N2WC+1	N/T	Đ	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
207	10	18	10-18	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
208	10	19	10-19	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
209	10	20	10-20	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
210	10	21	10-21	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
211	10	22	10-22	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
212	10	23	10-23	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	T/B	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
213	10	24	10-24	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	Đ/B	T	Nội khu	CHCC NOXH
214	10	25	10-25	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
215	10	26	10-26	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
216	10	27	10-27	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
217	11	01	11-01	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
218	11	02	11-02	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
219	11	03	11-03	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
220	11	04	11-04	CH-02.B-1	44.0	49.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
221	11	05	11-05	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
222	11	06	11-06	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
223	11	07	11-07	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	B/Đ	N	Nội khu	CHCC NOXH
224	11	08	11-08	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	N/Đ	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
225	11	09	11-09	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
226	11	10	11-10	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
227	11	11	11-11	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
228	11	12	11-12	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
229	11	13	11-13	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
230	11	14	11-14	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
231	11	15	11-15	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
232	11	16	11-16	CH-01.B	48.0	51.1	Thường	1N+1	N	T	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
233	11	17	11-17	CH-04	63.9	69.3	Góc	2N2WC+1	N/T	Đ	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
234	11	18	11-18	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
235	11	19	11-19	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
236	11	20	11-20	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
237	11	21	11-21	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
238	11	22	11-22	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
239	11	23	11-23	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	T/B	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
240	11	24	11-24	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	Đ/B	T	Nội khu	CHCC NOXH
241	11	25	11-25	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
242	11	26	11-26	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
243	11	27	11-27	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
244	12	01	12-01	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
245	12	02	12-02	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
246	12	03	12-03	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
247	12	04	12-04	CH-02.B-1	44.0	49.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
248	12	05	12-05	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
249	12	06	12-06	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
250	12	07	12-07	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	B/Đ	N	Nội khu	CHCC NOXH
251	12	08	12-08	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	N/Đ	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH

Số TT	Tầng cao	Số căn	Mã căn	Mẫu căn	DT thông thủy (m2)	DT tìm trường (m2)	Loại căn	Loại sản phẩm	Hướng Căn góc	Hướng Cửa	View	Loại nhà ở
					18,867.2	20,960.0						
252	12	09	12-09	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
253	12	10	12-10	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
254	12	11	12-11	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
255	12	12	12-12	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
256	12	13	12-13	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
257	12	14	12-14	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
258	12	15	12-15	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
259	12	16	12-16	CH-01.B	48.0	51.1	Thường	1N+1	N	T	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
260	12	17	12-17	CH-04	63.9	69.3	Góc	2N2WC+1	N/T	Đ	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
261	12	18	12-18	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
262	12	19	12-19	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
263	12	20	12-20	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
264	12	21	12-21	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
265	12	22	12-22	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
266	12	23	12-23	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	T/B	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
267	12	24	12-24	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	Đ/B	T	Nội khu	CHCC NOXH
268	12	25	12-25	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
269	12	26	12-26	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
270	12	27	12-27	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
271	12A	01	12A-01	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
272	12A	02	12A-02	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
273	12A	03	12A-03	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
274	12A	04	12A-04	CH-02.B-1	44.0	49.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
275	12A	05	12A-05	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
276	12A	06	12A-06	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
277	12A	07	12A-07	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	B/Đ	N	Nội khu	CHCC NOXH
278	12A	08	12A-08	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	N/Đ	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
279	12A	09	12A-09	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
280	12A	10	12A-10	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
281	12A	11	12A-11	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
282	12A	12	12A-12	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
283	12A	13	12A-13	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
284	12A	14	12A-14	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
285	12A	15	12A-15	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
286	12A	16	12A-16	CH-01.B	48.0	51.1	Thường	1N+1	N	T	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
287	12A	17	12A-17	CH-04	63.9	69.3	Góc	2N2WC+1	N/T	Đ	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
288	12A	18	12A-18	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
289	12A	19	12A-19	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
290	12A	20	12A-20	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH

Số TT	Tầng cao	Số căn	Mã căn	Mẫu căn	DT thông thủy (m2)	DT tim tường (m2)	Loại căn	Loại sản phẩm	Hướng Căn góc	Hướng Cửa	View	Loại nhà ở
					18,867.2	20,960.0						
291	12A	21	12A-21	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
292	12A	22	12A-22	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
293	12A	23	12A-23	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	T/B	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
294	12A	24	12A-24	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	Đ/B	T	Nội khu	CHCC NOXH
295	12A	25	12A-25	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
296	12A	26	12A-26	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
297	12A	27	12A-27	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
298	12B	01	12B-01	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
299	12B	02	12B-02	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
300	12B	03	12B-03	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
301	12B	04	12B-04	CH-02.B-1	44.0	49.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
302	12B	05	12B-05	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
303	12B	06	12B-06	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
304	12B	07	12B-07	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	B/Đ	N	Nội khu	CHCC NOXH
305	12B	08	12B-08	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	N/Đ	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
306	12B	09	12B-09	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
307	12B	10	12B-10	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
308	12B	11	12B-11	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
309	12B	12	12B-12	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
310	12B	13	12B-13	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
311	12B	14	12B-14	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
312	12B	15	12B-15	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
313	12B	16	12B-16	CH-01.B	48.0	51.1	Thường	1N+1	N	T	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
314	12B	17	12B-17	CH-04	63.9	69.3	Góc	2N2WC+1	N/T	Đ	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
315	12B	18	12B-18	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
316	12B	19	12B-19	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
317	12B	20	12B-20	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
318	12B	21	12B-21	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
319	12B	22	12B-22	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
320	12B	23	12B-23	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	T/B	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
321	12B	24	12B-24	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	Đ/B	T	Nội khu	CHCC NOXH
322	12B	25	12B-25	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
323	12B	26	12B-26	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
324	12B	27	12B-27	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
325	15	01	15-01	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
326	15	02	15-02	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
327	15	03	15-03	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
328	15	04	15-04	CH-02.B-1	44.0	49.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
329	15	05	15-05	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
330	15	06	15-06	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
331	15	07	15-07	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	B/Đ	N	Nội khu	CHCC NOXH
332	15	08	15-08	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	N/Đ	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
333	15	09	15-09	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
334	15	10	15-10	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH

Số TT	Tầng cao	Số căn	Mã căn	Mẫu căn	DT thông thủy (m2)	DT tim tường (m2)	Loại căn	Loại sản phẩm	Hướng Căn góc	Hướng Cửa	View	Loại nhà ở
					18,867.2	20,960.0						
335	15	11	15-11	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
336	15	12	15-12	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
337	15	13	15-13	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
338	15	14	15-14	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
339	15	15	15-15	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
340	15	16	15-16	CH-01.B	48.0	51.1	Thường	1N+1	N	T	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
341	15	17	15-17	CH-04	63.9	69.3	Góc	2N2WC+1	N/T	Đ	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
342	15	18	15-18	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
343	15	19	15-19	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
344	15	20	15-20	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
345	15	21	15-21	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
346	15	22	15-22	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
347	15	23	15-23	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	T/B	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
348	15	24	15-24	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	Đ/B	T	Nội khu	CHCC NOXH
349	15	25	15-25	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
350	15	26	15-26	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
351	15	27	15-27	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
352	16	01	16-01	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
353	16	02	16-02	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
354	16	03	16-03	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
355	16	04	16-04	CH-02.B-1	44.0	49.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
356	16	05	16-05	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
357	16	06	16-06	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
358	16	07	16-07	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	B/Đ	N	Nội khu	CHCC NOXH
359	16	08	16-08	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	N/Đ	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
360	16	09	16-09	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
361	16	10	16-10	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
362	16	11	16-11	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
363	16	12	16-12	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
364	16	13	16-13	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
365	16	14	16-14	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
366	16	15	16-15	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
367	16	16	16-16	CH-01.B	48.0	51.1	Thường	1N+1	N	T	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
368	16	17	16-17	CH-04	63.9	69.3	Góc	2N2WC+1	N/T	Đ	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
369	16	18	16-18	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
370	16	19	16-19	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
371	16	20	16-20	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
372	16	21	16-21	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
373	16	22	16-22	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
374	16	23	16-23	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	T/B	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
375	16	24	16-24	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	Đ/B	T	Nội khu	CHCC NOXH

Số TT	Tầng cao	Số căn	Mã căn	Mẫu căn	DT thông thủy (m2)	DT tim tường (m2)	Loại căn	Loại sản phẩm	Hướng Căn góc	Hướng Cửa	View	Loại nhà ở
					18,867.2	20,960.0						
376	16	25	16-25	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
377	16	26	16-26	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
378	16	27	16-27	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
379	17	01	17-01	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
380	17	02	17-02	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
381	17	03	17-03	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
382	17	04	17-04	CH-02.B-1	44.0	49.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
383	17	05	17-05	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
384	17	06	17-06	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
385	17	07	17-07	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	B/Đ	N	Nội khu	CHCC NOXH
386	17	08	17-08	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	N/Đ	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
387	17	09	17-09	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
388	17	10	17-10	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
389	17	11	17-11	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
390	17	12	17-12	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
391	17	13	17-13	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
392	17	14	17-14	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
393	17	15	17-15	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
394	17	16	17-16	CH-01.B	48.0	51.1	Thường	1N+1	N	T	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
395	17	17	17-17	CH-04	63.9	69.3	Góc	2N2WC+1	N/T	Đ	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
396	17	18	17-18	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
397	17	19	17-19	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
398	17	20	17-20	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
399	17	21	17-21	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
400	17	22	17-22	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
401	17	23	17-23	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	T/B	Đ	Liên kề	CHCC NOXH
402	17	24	17-24	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	Đ/B	T	Nội khu	CHCC NOXH
403	17	25	17-25	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
404	17	26	17-26	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
405	17	27	17-27	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
406	18	01	18-01	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
407	18	02	18-02	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
408	18	03	18-03	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
409	18	04	18-04	CH-02.B-1	44.0	49.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
410	18	05	18-05	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
411	18	06	18-06	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	B	N	Nội khu	CHCC NOXH
412	18	07	18-07	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	B/Đ	N	Nội khu	CHCC NOXH
413	18	08	18-08	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	N/Đ	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
414	18	09	18-09	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
415	18	10	18-10	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
416	18	11	18-11	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH
417	18	12	18-12	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liên kề	CHCC NOXH

Số TT	Tầng cao	Số căn	Mã căn	Mẫu căn	DT thông thủy (m2)	DT tìm tường (m2)	Loại căn	Loại sản phẩm	Hướng Căn góc	Hướng Cửa	View	Loại nhà ở
					18,867.2	20,960.0						
418	18	13	18-13	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	N	B	Sông/ Liền kề	CHCC NOXH
419	18	14	18-14	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liền kề	CHCC NOXH
420	18	15	18-15	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	N	B	Sông/ Liền kề	CHCC NOXH
421	18	16	18-16	CH-01.B	48.0	51.1	Thường	1N+1	N	T	Sông/ Liền kề	CHCC NOXH
422	18	17	18-17	CH-04	63.9	69.3	Góc	2N2WC+1	N/T	Đ	Sông/ Liền kề	CHCC NOXH
423	18	18	18-18	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liền kề	CHCC NOXH
424	18	19	18-19	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liền kề	CHCC NOXH
425	18	20	18-20	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	T	Đ	Liền kề	CHCC NOXH
426	18	21	18-21	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	T	Đ	Liền kề	CHCC NOXH
427	18	22	18-22	CH-02.A	44.9	49.7	Thường	1N+1	T	Đ	Liền kề	CHCC NOXH
428	18	23	18-23	CH-01.A	55.0	61.5	Góc	2N2WC	T/B	Đ	Liền kề	CHCC NOXH
429	18	24	18-24	CH-02.C	48.0	54.0	Góc	2N1WC	Đ/B	T	Nội khu	CHCC NOXH
430	18	25	18-25	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
431	18	26	18-26	CH-02.B	43.8	48.5	Thường	1N+1	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH
432	18	27	18-27	CH-03.A	31.4	35.6	Thường	Studio	Đ	T	Nội khu	CHCC NOXH